

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 06 - 2021
“V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Phi Hùng

Ông Lê Bình Triệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1982.

Cư trú tại: ấp Phú T, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị **Danh Thị H**, sinh năm 1977.

Cư trú tại: ấp Phú T, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Anh Q trình bày, anh và chị H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, hiện cả hai đã ly thân mỗi người ở một nơi và anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh Q xác định có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 27/11/2012 và Nguyễn K sinh ngày 02/02/2017. Hiện cháu T đang sống chung với chị H, còn cháu K đang sống cùng với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục giao cho chị H nuôi dưỡng cháu T, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Q xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Q xác định không có.

Đối với chị Danh Thị H, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, nhưng chị H vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của anh Nguyễn Văn Q về việc xin ly hôn với chị Danh Thị H thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Chị H là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp Phú T, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự, nhưng chị H vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Anh Q và chị H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, hiện cả hai đã ly thân mỗi người ở một nơi và anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị H. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, nhưng chị H vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án, cho thấy chị H chưa quyết tâm để tìm giải pháp hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên thì yêu cầu của anh Q là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của anh Q về việc xin ly hôn với chị H.

[4] Về con chung: Anh Q xác định có 02 con chung, theo giấy khai sinh do anh Q cung cấp thể hiện tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 27/11/2012 và Nguyễn K sinh ngày 02/02/2017. Và anh Q xác định hiện cháu T đang sống chung với chị H, còn cháu K đang sống cùng với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục giao cho chị H nuôi dưỡng cháu T, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh Q phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh Q xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh Q xác định không có.

[7] Về án phí sơ thẩm anh Q nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Q về việc xin ly hôn với chị Danh Thị H.

Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 27/11/2012 (hiện đang sống với chị H).

Giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn K sinh ngày 02/02/2017 (hiện đang sống chung với anh Q).

Người không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Anh Q xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Anh Q xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình anh Q nộp 300.000đ. Vào ngày 05 tháng 5 năm 2021, anh Q đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0011630 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Anh Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự h.Thới Bình;
- **UBND xã TL;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

Diệp Chí Nguyễn